TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 33/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 5 - 2024
Về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trãi.
2. Bà Võ Thị Thúy Đoan.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Thanh P**, sinh năm 1999. *(có mặt)*
Địa chỉ: Ấp Đ, xã M, huyện L, thành phố Cần Thơ.
Bị đơn: Chị **Trương Thị Tuyết L**, sinh năm 2000. *(vắng mặt)*
Địa chỉ: Số U, khu vực A, phường H, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Thanh P trình bày:***

Vào năm 2016, sau một thời gian tìm hiểu, anh và chị Trương Thị Tuyết L đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn, huyện Thới Lai theo quy định. Sau khi cưới vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau, dẫn đến tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Ngọc N (nữ, sinh ngày 07/6/2020). Anh đồng ý cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng

thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**** Tại Bản tự khai ngày 15/3/2024, bị đơn chị Trương Thị Tuyết L trình bày:***

Chị thống nhất ý kiến trình bày của anh P về quá trình xây dựng hôn nhân giữa chị với anh P và về mâu thuẫn vợ chồng. Do mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên nay chị đồng ý ly hôn với anh P.

- Về con chung: Có 01 con chung là cháu Trần Ngọc N (nữ, sinh ngày 07/6/2020). Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu anh P không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn anh Trần Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn chị Trương Thị Tuyết L vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Anh Trần Thanh P và chị Trương Thị Tuyết L tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, anh P khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chung nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Trương Thị Tuyết L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: anh P và chị L là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2020 tại Ủy ban nhân dân xã Định Môn, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

anh P cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do do bất đồng quan điểm sống, bất hòa về tình cảm và kinh tế gia đình nên thường hay cãi nhau, dẫn đến tình cảm không còn. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị L. Về phía chị L cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn như anh P trình bày, do không hàn gắn được nên chị cũng đồng ý ly hôn với anh P.

Như vậy, cả anh P và chị L đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và không hàn gắn được. anh P có yêu cầu ly hôn, chị L đồng ý. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của anh P đối với chị L là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: anh P và chị L cùng xác định trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Trần Ngọc N (nữ, sinh ngày 07/6/2020). chị L có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N đến trưởng thành, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con. anh P đồng ý. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

anh P được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh P thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: anh P và chị L cùng xác định trong thời gian chung sống không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh P phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Thanh P.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh P được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết L.

2/ Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc N (nữ, sinh ngày 07/6/2020) cho chị Trương Thị Tuyết L nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Trần Thanh P không cấp dưỡng nuôi con.

anh P được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh P thực hiện quyền này.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh Trần Thanh P và chị Trương Thị Tuyết L cùng xác định không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh P phải nộp số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng).* Chuyển số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* anh P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004570 ngày 11/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND X. Định Môn, H. Thới Lai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế